

Bản án số: 112/2021/HSST
Ngày 27-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Phạm Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình S thụ lý số 87/2021/HSST ngày 05 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh năm 1990 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: ấp H, xã T, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: 780/24/18 đường B, phường M, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Nguyễn Văn C, không nhớ năm sinh; Mẹ: Nguyễn Thị H, không nhớ năm sinh; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại quyết định số 15/2017/QĐ-TA ngày 11/01/2017, TAND thành phố Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng kể từ ngày 17/12/2016.

Bị cáo bị bắt ngày 17/12/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Chị Phan Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ: 709B đường B, phường T, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: 1216/64B đường B, phường M, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Trung N, sinh năm 1975; Địa chỉ: 656 đường B, phường K, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1952; Địa chỉ: 1216/64B đường B, Phường M, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 13/12/2020, Nguyễn Văn S đem một chiếc máy mài đến cửa hàng kinh doanh đồ điện DT do anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974, trú tại 709B đường B, phường T, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm chủ, đề nghị anh T sửa và hỏi mua một chiếc máy mài mới. Sau đó, S đem hai máy này về nhà và làm hỏng. Đến chiều cùng ngày, S đem hai chiếc máy mài đã hỏng nói trên đến tiệm của anh T, cho rằng anh T bán hàng và sửa hàng kém chất lượng. Thấy vậy, anh T trả lại cho S số tiền mua và sửa máy là 850.000 đồng nhưng S vẫn lớn tiếng la hét và đập phá đồ đạc trong tiệm DT; đồng thời S yêu cầu anh T đưa cho S số tiền 10.000.000 đồng nếu muốn được yên ổn làm ăn trong thời gian tới. Do lo sợ S tiếp tục phá rối công việc kinh doanh cũng như ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình nên anh T đã đưa cho S số tiền 9.000.000 đồng. S đồng ý nhận số tiền này rồi đi về và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 14/12/2020, S tiếp tục gọi điện thoại uy hiếp yêu cầu anh T tiếp tục đưa cho S số tiền 5.000.000 đồng thì S sẽ để cho gia đình anh T yên ổn làm ăn. Do anh T không đồng ý nên chiều cùng ngày, S cùng một đối tượng khác (không rõ nhân thân) đến tiệm của anh T đập phá đồ đạc, máy móc mà anh T đang bày bán. Các ngày sau đó, S liên tục nhắn tin, gọi điện đe dọa sẽ gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe cũng như công việc của gia đình anh T, do lo sợ nên anh T đóng cửa tiệm. Đến ngày 17/12/2020, anh T hẹn S đến nhận tiền tại địa chỉ đường B, phường T, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, trú tại 1216/64B đường B, phường M, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu điều khiển xe máy hiệu Nouvo biển số 51V2-2165 chở S đến địa chỉ trên. Tại đây, khi S vừa nhận số tiền 5.000.000 đồng từ chị Phan Thị T, sinh năm 1982 (vợ của anh T) thì bị lực lượng công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bắt quả tang, thu giữ tang vật gồm số tiền 5.000.000 đồng (gồm 10 tờ mệnh giá 500.000 đồng).

Vật chứng vụ án:

- Số tiền 5.000.000 đồng thu được tại biên bản bắt quả tang là tiền do gia đình anh Tuấn giao cho S;

- Cơ quan Công an thu giữ của Nguyễn Văn S:

+ 01 (một) dao dài khoảng 20cm, cán tay cầm màu đen, S đem theo bên người để phòng vệ;

+ 01 (một) điện thoại di động màu cam, nhãn hiệu Philips đã qua sử dụng, S dùng điện thoại này để liên lạc uy hiếp gia đình anh Tuấn.

- Cơ quan Công an thu giữ của Nguyễn Văn Tâm:

+ Số tiền 700.000 đồng, đây là tiền cá nhân của Tâm;

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Titel, đã qua sử dụng, đây là tài sản cá nhân của Tâm;

+ 01 (một) xe máy hiệu Yamaha loại Nouvo màu đỏ - đen, biển số: 51-V2-2165, số máy: 2B51-03272, số khung: 02723272. Qua tra cứu xác định chiếc xe máy này không rõ nguồn gốc. Tâm khai đây là tài sản của bố ruột Tâm là ông Nguyễn Văn Tích mua lại của một người khác và cho Tâm mượn làm phương tiện đi làm.

Xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an TP.Vũng Tàu đã chuyển toàn bộ vật chứng nói trên sang Chi cục Thi hành án dân S TP.Vũng Tàu bảo quản, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân S: Anh T, chị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Bản cáo trạng số 102/CT-VKS ngày 02/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Văn S về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1, Điều 170 Bộ luật hình S.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình S, xử phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao dài khoảng 20cm, cán tay cầm màu đen; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu cam, nhãn hiệu Philips đã qua sử dụng của S; Trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 700.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Titel, đã qua sử dụng; Trả lại ông Nguyễn Văn T 01 (một) xe máy hiệu Yamaha loại Nouvo màu đỏ - đen, biển số: 51-V2- 2165, số máy: 2B51-03272, số khung: 02723272.

Về trách nhiệm dân S: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T số tiền là 9.000.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình S. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong các ngày 13/12/2020 và 17/12/2020, tại địa chỉ 709B đường B, phường T, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nguyễn Văn S đã hai lần có hành vi dùng lời nói, hành động đe dọa sẽ dùng vũ lực nhằm buộc gia đình anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T đưa cho S tổng số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình S.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành có nhận thức đầy đủ, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng sau khi ra trại không chịu tu sửa bản thân mà tiếp tục vi phạm pháp luật. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S: Bị cáo đã 02 lần uy hiếp để cưỡng đoạt tài sản của bị hại nên thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình S.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình S giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân S: Bị hại anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị Tyêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 9.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu

của anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận S tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho gia đình anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T vì đây là tiền do gia đình anh T, chị T giao cho S;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao dài khoảng 20cm, cán tay cầm màu đen, S đem theo bên người để phòng vệ.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu cam, nhãn hiệu Philips đã qua sử dụng, S dùng điện thoại này để liên lạc uy hiếp gia đình anh Tuấn.

+ Trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 700.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Titel, đã qua sử dụng, đây là tài sản cá nhân của Tâm;

+ Trả lại ông Nguyễn Văn T 01 (một) xe máy hiệu Yamaha loại Nouvo màu đỏ - đen, biển số: 51-V2- 2165, số máy: 2B51-03272, số khung: 02723272 vì đây là tài sản của ông T, ông T cho con trai là T mượn để đi làm, cả T và ông T đều không biết việc T chở S đến nhà anh T, chị T để cưỡng đoạt tài sản.

[7] Đối với anh Nguyễn Văn T đã chở S đến nhận tiền của anh T nhưng không biết mục đích của S, S cũng không nói cho anh T biết việc mình chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, không có cơ sở xử lý hình S đối với Nguyễn Văn T.

Đối với Nguyễn Trung N, mặc dù S khai nhận N là người thuê mượn S đập phá cửa hàng của anh T để cạnh tranh kinh doanh, tuy nhiên N không thừa nhận, và cũng không có chứng cứ nào chứng minh N có hành vi nêu trên. Do đó, không đủ căn cứ xử lý hình S đối với Nguyễn Trung N.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình S sơ thẩm và án phí dân S sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: **Nguyễn Văn S** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình S, xử phạt **Nguyễn Văn S : 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2020;

3. Trách nhiệm dân S: Áp dụng các Điều 584, 585, Bộ luật Dân S:

Buộc bị cáo **Nguyễn Văn S** bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T số tiền 9.000.000 đ (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân S năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình S; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình S:

- Trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T;
- + Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao dài khoảng 20cm, cán tay cầm màu đen;
- + Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu cam, nhãn hiệu Philips đã qua sử dụng;
- + Trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 700.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Titel, đã qua sử dụng;
- + Trả lại ông Nguyễn Văn T 01 (một) xe máy hiệu Yamaha loại Nouvo màu đỏ - đen, biển số: 51-V2- 2165, số máy: 2B51-03272, số khung: 02723272.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân S thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 131/BB.THA ngày 09/4/2021 và Biên lai thu tiền số 0002149 ngày 09/4/2021.

4. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình S và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình S sơ thẩm; 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân S sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan người vắng mặt thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân S; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân S.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân S thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu Nga